TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 01 - 2020.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Diệu Hiền.

2. Ông Nguyễn Văn Minh

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thanh Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 330/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L - sinh năm: 1982
Địa chỉ: Số 14/9, đường T, khóm H, Phường B, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng V - sinh năm: 1978
Địa chỉ: Số 14/9, đường T, khóm H, Phường B, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày*:**

- Về hôn nhân: Chị L và anh V quen biết và tìm hiểu nhau được 01 năm thì tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi đám cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, anh V

thường xuyên nhậu nhẹt say sỉn về nhà kiếm chuyện gây gỗ, quậy phá vợ con. Ngoài ra, anh V còn vay mượn tiền bên ngoài, gây nợ nần, chị L cũng không biết anh V vay tiền, sử dụng tiền vào mục đích gì. Vì muốn cho con có đầy đủ tình thương của cha mẹ nên chị đã khuyên anh V nhiều lần, cố gắng chịu đựng chung sống với anh V, nhưng đến nay anh V vẫn tính nào tật nấy, không sửa đổi. Nay chị L nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng sống chung cũng không còn hạnh phúc, chị yêu cầu ly hôn anh V.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ C, sinh ngày 25/9/1997. Con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung: chị L và anh V tự thỏa thuận, không tranh chấp yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là anh Nguyễn Hoàng V trình bày*:**

- Về hôn nhân: Anh V thống nhất theo lời trình bày của chị L về thời gian chung sống. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Sau đám cưới, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do chị L cờ bạc, anh V khuyên nhủ nhiều lần không nghe nên vợ chồng thường cự cải. Nay anh V nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn tiếp tục sống chung, anh V đồng ý ly hôn chị L.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ C, sinh ngày 25/9/1997, con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh V xác định là không có, không tranh chấp yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa*:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hoàng V; Về con chung đã thành niên nên không xem xét; Về chia tài sản chung: Đương sự không tranh chấp nên không xem xét; Về nợ chung không có nên không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hoàng V có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trường hợp vắng mặt của bị đơn không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị L về việc yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Hoàng V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Chị L và anh V chung sống như vợ chồng từ năm 1996, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý…".

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*".

Lẽ ra, trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến nay, chị L và anh V phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị L và anh V đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, giữa chị L và anh V đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do quan điểm sống không còn phù hợp, vợ chồng thường xuyên gây gỗ cự cải, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, dẫn đến tình cảm ngày càng bị tổn thương rạn nứt. Nay anh chị xác định tình cảm không còn, cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Tuy nhiên, do anh chị không có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*".

Do đó, căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53, Hội đồng xét xử không công nhận chị L và anh V là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ C - sinh năm: 1997, đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hoàng V.

2. Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1997, đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Đương sự không tranh chấp nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị L đã nộp ngày 02/12/2019 theo biên lai thu số 0004328 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án ND Tỉnh ĐT
- VKS ND TPSĐ
- THA Dân sự TPSĐ
- Các đương sự
- Lưu h/s

Nguyễn Thị Thủy